TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI DAO ĐỎ Ở HUYỆN BA BỂ VÀ NGUYÊN BÌNH TỈNH CAO BẰNG

HOÀNG MINH LỢI

Với số dân 473.945 người(1) cư trú trên địa bàn rộng lớn, người Dao ở nước ta có mặt tại cả ba vùng sinh thái: vùng thấp, vùng giữa và vùng cao. Trong hàng chục nhóm địa phương của người Dao thì nhóm Dao đỏ cư trú chủ yếu ở vùng cao thuộc các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Thái, Hà Giang, Tuyên Quang, Quảng Ninh và vùng cao Tây Bắc. Bài viết này chỉ đề cập đến người Dao đỏ ở hai huyện Ba Bể và Nguyên Bình tỉnh Cao Bằng. Đây là một trong những địa bàn có rất đông người Dao đỏ cư trú(2).

1. Những nét chung

Như các nhóm Dao khác, người Dao đỏ cũng có cách phục sức riêng của mình về kiểu loại cũng như về hình thức trang trí, đặc biệt là ở trang phục nữ giới.

Theo một phương pháp phân loại y phục về "Loại hình kỹ thuật ăn vận dựa trên cơ sở là cách thức mặc vào thân thể"(3) thì y phục của người Dao đỏ chủ yếu thuộc loại hình chui - xỏ. Bên cạnh đó vẫn xen lẫn loại hình cài - buộc và một chút kỹ thuật choàng - quấn. Như vậy y phục Dao đỏ cũng đã ở giai đoạn phát triển khá cao của kỹ thuật ăn vận.

Qua nghiên cứu ở Nguyên Bình, Ba Bể cho thấy người Dao đỏ tại đây không trồng bông dệt vải. Tất cả nguyên vật liệu tạo nên trang phục của họ đều do trao đổi; mua bán với các dân tộc khác mà có(4).

2. Trang phục truyền thống

a. Trang phục nam giới

Cũng giống như phần lớn các nhóm Dao khác, nam giới Dao đỏ trước kia (những thập niên đầu thế kỷ XX) thường cạo nhẵn xung quanh đầu, chỉ để lại một chỏm tóc ở đỉnh hoặc để tóc dài rồi búi sau gáy. Họ ít khi để đầu trần mà vấn nhiều vòng bằng một tấm vải dài hơn một sải tay với cách thức đơn giản là "vuốt nhúm lại rồi vấn lên đầu"(5)

Áo của nam giới Dao đỏ thường là vải chàm hoặc vải láng đen. Đó là áo ngắn tứ thân, xẻ ngực, cài cúc vải, vạt sau thường dài hơn vạt trước, xẻ tà, ống tay dài, cổ

(1) Theo kết quả tổng điều tra dân số năm 1989

(2) Theo các tác giả của cuốn "Người Dao ở Việt Nam" thì tại Nguyên Bình, người Dao chiếm tới 39% dân số toàn huyện. Xem: Bế Viết Đẳng - Nguyễn Khắc Tụng - Nông Trung - Nguyễn Nam Tiến, *Người Dao ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1971, tr.12

(3) Chu Thái Sơn, *Nữ phục các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên*, T.C Dân tộc học, số 3, 1991

(4) Cụ Bàn Văn An và một số cụ ở xóm Nà Còi xã Bình Trạch huyện Ba Bể - Cao Bằng kể một truyền thuyết: "Ngày xưa người Dao đỏ cũng biết dệt nhưng có một bà ở gia đình nọ đang dệt vải, không hiểu sao lại ngã vào khung dệt mà chết. Người nhà làm ma và thề rằng: nếu ai còn dệt thì cũng sẽ bị chết như người đàn bà nọ. Sau lời nguyền đó, người Dao đỏ không ai còn dệt vải nữa".

(5) Bế Viết Đẳng - Nguyễn Khắc Tụng - Nông Trung - Nguyễn Nam Tiến, *Người Dao ở Việt Nam*, s.đ.d tr.147.

cao, áo có 4 túi (2 túi trên và hai túi dưới).

Quần của nam giới cũng thường là vải nhuộm chàm hoặc vải láng đen được cắt may theo kiểu "chân què" cạp "lá tọa". Ống quần của người có tuổi rộng hơn so với lớp trẻ.

Nam giới Dao đỏ cũng dùng đồ trang sức bằng bạc, đồng như: nhẫn, vòng tay, vòng cổ nhưng không phổ biến. Trái lại tục bọc răng vàng (kiềm nhà) lại phổ biến hầu hết ở nam giới từ 15-16 tuổi trở lên vì họ xem đó là hình thức trang sức làm đẹp con người.

Lúc làm việc, hay khi đi xa nam giới Dao đỏ đội nón lá (lập cụp) với khung đan bằng tre theo kiểu "mắt cáo", trong lót lá mai. Khi đi chợ, hội hè họ có thể đeo thêm túi vải tự may để đựng đồ cá nhân của mình. Nhìn chung trang phục trong lễ hội, cưới xin của nam giới không khác gì ngày thường.

b. Trang phục nữ giới

Theo quan điểm thẩm mỹ và phong tục truyền thống thì nữ giới Dao đỏ đều cạo nhẵn đầu rồi đội khăn (goòng phá). Khăn của họ là loại khăn đóng "được kết cấu sẵn khi sử dụng chỉ việc chụp lên đầu, sửa một chút cho ngay ngắn, đúng phía trước, phía sau vừa phải với độ chênh cần thiết là định hình, chỉnh trang rồi"(1). Ngoài vành khăn là một dải vải nền trắng (lui pá si), trên đó thêu hoa văn sọc đỏ, hồng với khoảng cách đều nhau. Một chiếc khăn như vậy khá nặng bởi đường kính khăn đã là 30cm, lòng mũ rộng 16cm, vành khăn dày 7cm. Đỉnh khăn là một miếng vải hình vuông gọi là: *khâm tỉn* thêu hoa văn sặc sỡ. Sau khăn gắn các dây mầu đen, khi đội sẽ rủ xuống gáy. Với thường phục truyền thống, nữ giới Dao đỏ mặc một chiếc áo bé (lùi ton piàng) ở bên trong; còn chiếc áo lớn (hay chiếc áo dài - lùi đáo) mặc ra ngoài. Áo bé cũng được thêu hoa văn, mặc chui đầu, buộc dây có tác dụng giữ phần ngực. Áo mặc ngoài thường chỉ dài quá đầu gối một chút và chủ yếu là mầu đen, xẻ nách, cổ áo liền với nẹp ngực trên đó thêu hoa văn rất đẹp. Phần trước ngực áo là một trong những bộ phận được chú ý nhiều nhất của y phục. Nẹp ngực được sáng tạo bởi các họa tiết hoa văn theo tùy hứng và khiếu thẩm mỹ của người tạo nên y phục đó. Tất nhiên nhiều bộ y phục có cùng mô-típ hoa văn nhưng khác nhau ở cách thức bài trí, bố cục Hoa văn được tạo nên chủ yếu bằng việc thêu hoặc khâu ghép các mảnh vải mầu (giống hoặc khác nhau) lên nền vải trắng. Điểm chung nhất là từ cổ áo dọc theo nẹp ngực, được tạo nên những núm bông hoặc len đỏ khá to xếp cạnh nhau (như ở Nguyên Bình) hay tạo thành hai dải đỏ liên tục rồi giáp nhau ở cuối nẹp ngực (như ở Ba Bể).

Cổ áo phía sau gáy được nối với nẹp ngực là một mảnh vải khá to trên đó trang trí hoa văn rất công phu. Áo mặc ngoài của nữ giới Dao đỏ thường có một lớp vải lót mầu xanh ở bên trong làm cho áo khá dày. Ống tay áo khá dài nên khi lao động họ có thể xắn lên cho tiện lợi. Áo không có cúc nên khi mặc người ta bắt chéo hai thân trước lên nhau rồi thắt lại bằng dây lưng bên ngoài. Dây lưng (lùi shìn) làm từ vải dệt bằng chỉ, sợi bông (đôi khi là tơ tằm) dài 2-4 mét với bề rộng chỉ hơn 1cm nên trông rất thanh thoát. Nền thắt lưng chủ yếu là mầu trắng, trên đó thêu hoa văn với các mô-típ như các đường thẳng song song, chấm tròn, vạch ngang... với các gam mầu phổ biến: vàng, đỏ, xanh, trắng. Trong trang phục, người ta không giới hạn về số lượng thắt lưng nên có thể thắt đến 4 hoặc 5 chiếc là việc bình thường. Họ quan niệm thắt lưng được xem như đồ trang sức không thể thiếu với nữ

(1) Tố Oanh, *Lễ phục của các dân tộc ở Việt Nam*. T.C Dân tộc học, số 3 - 1992.

giới. Tuy nhiên, số lượng thắt lưng ở thanh nữ bao giờ cũng nhiều hơn ở người có tuổi. Song, các đầu thắt lưng của họ không để dài rồi thả xuống phía sau như một số nhóm Dao khác (ví dụ như Dao quần chẹt) mà đầu thắt đều gọn ở phía trước với xu hướng lệch về eo bên trái nhiều hơn. Một bộ phận không thể thiếu được trong y phục nữ giới Dao đỏ là hai tấm vải buộc ở phía sau (gọi là áo lưng - lui sin). Hai đầu trên của "lui sin" có dây (thêu chỉ mầu) để buộc như thắt lưng. Chiều dài của "lui sin" từ eo lưng thả xuống bằng với vạt sau của áo. Phần dưới (khoảng 20cm) được thêu hoa văn trang trí rất cầu kỳ với các gam mầu chính là: đỏ, vàng. Người Dao đỏ quan niệm "lui sin" tạo nên nét duyên dáng và kín đáo trong ăn vận của nữ giới khi đi lại. Mặt khác nhìn vào phần trang trí hoa văn ở "lui sin" có thể đánh giá sự khéo tay, chăm chỉ của người con gái.

Nữ giới Dao đỏ mặc quần mầu đen (bằng vải láng, lụa mầu đen hay vải dệt nhuộm chàm) được cắt may theo kiểu "chân què" cạp "lá tọa" hoặc cạp luồn dây rút. Ống quần cắt khá hẹp, không thêu hoa văn nếu may từ vải mầu đen. Nếu là vải nhuộm chàm bao giờ cũng thêu hoa văn hình vuông mầu trắng, đỏ, thậm chí các hoa văn này được trang trí kín cả hai ống quần. Đồ trang sức nữ giới khá phong phú được làm bằng bạc, đồng, vàng, sừng... như các loại vòng cổ (cồng văn), vòng tay (chiềm), khuyên tai (lòm run), nhẫn (pua đeng)...

Khi đến 14-15 tuổi, nữ giới cũng bọc răng vàng làm đẹp và họ đeo khuyên tai(1). Khuyên bằng bạc, đường kính 4-5cm, ở giữa có hình cây thông, chủ yếu do thợ Dao đỏ làm. Lượng kim loại ước tính: cứ một đồng bạc được hai đôi khuyên. Thợ giỏi, mỗi ngày cũng chỉ làm được một đôi.

Nữ giới Dao đỏ có hai loại túi đeo. Loại thứ nhất làm bằng vải đen như láng, nhung... Bên ngoài thêu hoa văn cây cỏ, chim chóc, vòng tròn bằng chỉ vàng, đỏ. Túi này gọi là bủa phùng phải làm 6-7 ngày mới xong. Ở Nguyên Bình hầu như nữ thanh niên nào cũng có, còn ở Ba Bể phần nào ít hơn. Túi được xem như một thứ trang sức làm tăng vẻ đẹp nên thường được đeo trong các dịp lễ hội, cưới xin và đi chợ.

Loại túi thứ hai được làm từ vải chàm, vải láng, cắt rộng hơn túi hoa, với hình thức tương tự như cái tay nải của người Tày Nùng. Loại túi này hầu như không trang trí hoa văn nên chỉ dùng trong các dịp đi rừng, đi nương.

c. Trang phục của trẻ em

Khi còn sơ sinh, trẻ được bọc bằng tã lót (may vuông). Từ 1-3 tuổi trẻ mặc áo xẻ ngực có cúc vải hoặc dây buộc đơn giản. Phần lớn bé trai, bé gái thời gian này đeo một vòng cổ bằng bạc, đôi khi đeo cổ tay. Trẻ em từ 6 tuổi trở xuống thường được đội mũ vải thêu màu sắc sặc sỡ. Nếu nhìn vào chóp mũ có thể phân biệt được mũ của bé trai hay bé gái. Mũ bé trai ở chóp có một cục bông hay vải (biểu hiện giới tính nam) còn mũ bé gái ở đỉnh có dây rút nút nhưng vẫn để lại một lỗ hổng nhỏ (biểu hiện

(1) Theo ông Bùi Kim Giáo xóm Lũng Giáo xã Thái Học - huyện Nguyên Bình - CaoBằng, tập quán đeo khuyên tai của nữ giới gắn liền với sự tích: "Ngày xưa, nữ giới Dao đỏ khôn ngoan hơn nam giới nên họ giành hết quyền học. Vì khổ quá nên đàn ông Dao đỏ phải cầu khẩn đến thần Tam Thanh (là 3 vị thần lửa, nước, gió) làm cho họ bớt khôn đi. Hiểu sự tình, thần Tam Thanh đã làm ra chiếc khuyên tai rồi tìm cách xỏ vào tai của nữ giới. Được mọi người khen là rất đẹp nên nữ giới suốt ngày chỉ say sưa với chiếc khuyên tai mà không suy nghĩ đến nhiều việc khác nữa. Từ đó trở đi trí khôn của họ kém dần so với đàn ông để rồi quyền học cũng mất theo".

giới tính nữ).

Từ 10 tuổi trở lên trẻ em mặc quần áo may cắt theo kiểu người lớn.

d. Trang phục theo chức năng sinh hoạt

Với nam giới khi đi rừng đi rẫy, kiếm cá hay săn bắn, trang phục của họ về cơ bản không có gì thay đổi. Có chăng chỉ để đầu trần thay vì đội khăn như khi đi đám cưới, đám ma. Lúc làm đồng, lên nương, thỉnh thoảng họ đội chiếc nón lá nếu trời nắng hoặc mưa giông.

Nữ giới khi lao động thường mặc quần áo cũ và không nhất thiết phải mang nhiều vòng cổ, vòng tay, thắt lưng. Thậm chí cả lui sin cũng có thể bỏ ở nhà. Đặc biệt chiếc khăn đóng cổ truyền ít được đội trong lao động vì nó khá nặng và không tiện lợi. Thay vào đó, họ dùng một tấm vải như chiếc khăn che đầu (hoặc là chiếc khăn mặt dài mua ở chợ) với cách thắt nút đơn giản phía sau gáy.

Trong cưới xin và lễ hội, trang phục nam giới không khác gì ngày thường, có chăng chỉ là mới hơn, trang trọng hơn mà thôi. Riêng bộ quần áo của chú rể trong ngày cưới phải là bộ mới mặc lần đầu.

Ngược lại, trang phục ngày cưới của cô dâu cầu kỳ hơn ngày thường rất nhiều. Trong dịp này các đồ trang sức đẹp, quý bằng bạc, vàng, kim cương... đều được đưa ra sử dụng. Áo của cô dâu ngắn đến eo, buông vạt, không giắt vào thắt lưng. Áo màu đen nhưng trang trí hoa văn cầu kỳ ở gấu và đầu ống tay áo. Phía trước thắt một tấm vải (nhìn đằng trước như mặc váy) thêu và ghép mầu trên nền vải với các mô-típ hoa văn hình cây thông, quả trám, đường song song, chấm tròn... rất sặc sỡ. Khi về nhà chồng, cô dâu phải chùm lên đầu một chiếc khăn rất lớn (bên trong làm khung tre để đỡ), có thêu hoa văn và diềm đính tua chỉ len đỏ dài 30-40cm. Vì khăn che kín mặt (và cả áo), cô dâu không nhìn thấy gì nên khi đi phải có hai phù dâu giúp đỡ. Chiếc khăn này gọi là trùm phả, chỉ được dùng một lần trong đời, nếu lấy người chồng thứ hai, không được dùng lại. Cô dâu có thể mượn khăn nhưng cưới xong phải cảm ơn người cho mượn bằng hình thức trả tiền hoặc thịt lợn rồi đem biếu.

e. Trang phục trong tang lễ

Khi bố, mẹ mất, con trai, con gái và con dâu phải chít khăn trắng trong 3 năm theo nghi thức truyền thống. Sau này họ chỉ đeo trong một năm. Con rể chỉ cuốn dải vải trắng nhỏ quanh khăn hoặc quanh mũ trong 3 ngày. Các cháu nội chỉ chít khăn trắng trong 3 ngày.

Chồng chết, vợ không chít khăn tang và ngược lại. Như vậy, tang phục của người Dao đỏ chỉ có khăn trắng, không có quần áo tang.

g. Trang phục theo chức năng xã hội

Trang phục Dao đỏ truyền trống không mấy khác biệt giữa các chức sắc với thường dân trong cộng đồng. Có chăng, chỉ là bộ trang phục của tầng lớp làm nghề cúng bái. Trong xã hội cổ truyền, thầy tào là người có trang phục mang tính đặc thù quy định bởi nghề của họ. Thầy tào ở người Dao đỏ không phân biệt tuổi tác già hay trẻ và có thể cha truyền con nối hoặc cha con cùng song song hành nghề. Điều đặc biệt là áo mũ của thầy tào đều do vợ họ làm ra. Mũ có thể xếp lại hay xòe ra tùy ý, được làm bằng giấy hoặc vải, có thể thêu, vẽ hoa văn rất phức tạp. Mũ có hai nửa trước, sau nhưng trang trí phần sau khó hơn. Sẽ không ngạc nhiên nếu thấy nửa sau của mũ không có hoa văn, bởi điều đó được giải thích là vợ thầy tào đã già, không còn khả năng làm

được những chi tiết ấy nữa.

Áo thầy tào làm bằng vải hoa sặc sỡ, song cắt may khá đơn giản. Áo xẻ ngực, không có cổ, thân dài chùm quá bắp chân. Hai bên nẹp áo trước ngực gắn hai dải vải trang trí hoa văn mầu đỏ, vàng. Khi hành lễ, thầy tào khoác áo cúng ra ngoài bộ thường phục rồi thắt lưng, buộc dây giữa thân áo vì áo không có cúc. Thắt lưng là vải trắng to bản, điểm thắt ở sau lưng rồi đầu dây thả xuống.

Đồ hành lễ của thầy tào ngoài sách cúng, bài vị không thể thiếu được: 1 chiếc chuông nhỏ (mu linh), 1 gậy tre (pe biè), 1 sừng trâu được cắt gọt, trau chuốt gọi là ngùng cong với ý nghĩa dùng để uống rượu.

3. Những biến đổi của trang phục

Quá trình sống cộng cư và giao lưu kinh tế, văn hóa với các dân tộc khác như Tày, Nùng, Kinh... đã ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống của người Dao đỏ nói chung và trang phục nói riêng. Việc không tự dệt vải của họ cũng là một tiền đề cho mở rộng giao lưu, tiếp thu ảnh hưởng từ các tộc người khác.

Những thay đổi dễ thống nhất là ở trang phục nam giới. Vấn khăn hiện nay chỉ thấy ở người già hoặc trung niên, còn giới trẻ hầu như cắt tóc ngắn, đội mũ cát két, mũ nồi hay mũ lưỡi trai...

Lối phục sức phổ biến hiện nay của thanh niên Dao đỏ ở Ba Bể, Nguyên Bình trong mặc áo sơ mi mầu sáng, ngoài khoác áo tứ thân 4 túi, trong cùng còn có thể mặc áo lót nữa. Quần thường là mầu đen may hẹp, cài cúc, có thắt lưng bằng da. Trước kia nam giới đi chân đất nhưng hiện nay hầu hết đã sử dụng giầy, dép. Họ không dùng vòng tay, vòng cổ nữa mà thay vào đó có thể là đồng hồ.

Trang phục nữ giới nhìn chung còn bảo lưu được truyền thống, song dù sao vẫn có thay đổi ít nhiều.

Dễ nhận thấy nhất là rất ít người đội chiếc khăn truyền thống hàng ngày. Thay vào đó họ đội tấm khăn vải bình thường mà phổ biến là chiếc khăn mặt dài như đã nói ở phần trên. Khi ở nhà họ chỉ mặc áo cánh mua. Trong đám cưới, cô dâu đã thay hai mảnh vải bằng hai chiếc khăn mặt mua ở chợ có mầu sắc sặc sỡ, cho dù đây là nghi thức bắt buộc. Song, sự biến đổi về trang phục của người Dao đỏ diễn ra không đồng nhất giữa các vùng. Vùng xa xôi, hẻo lánh đồng bào vẫn ăn mặc theo truyền thống. Ngay cả các vùng ven thị xã, thị trấn, sự biến đổi cũng chỉ ở mức độ nhất định. Nam giới dù mặc áo sơ mi ở nhà nhưng khi đi lễ hội, đám cưới hay đi chợ vẫn khoác ngoài cái áo tứ thân theo kiểu truyền thống.

Nữ giới tuy mặc áo cánh trong sinh hoạt ở gia đình nhưng bộ trang phục truyền thống bao giờ cũng mặc ngoài trong các dịp lễ tết, hội hè, cưới xin, tang ma. Như vậy, dù có bị ảnh hưởng, biến đổi tự nhiên nhưng cơ bản trang phục Dao đỏ vẫn dữ được bản sắc, phân biệt với các nhóm Dao khác, với các dân tộc khác. Điều đó thể hiện ở việc dùng nguyên liệu, cách tạo hình trang phục, kỹ thuật cắt may, mầu sắc và hoa văn trang trí trên trang phục.

Tóm lại, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa và quan hệ của người Dao đỏ với các tộc người khác ngày càng mở rộng thì trang phục của họ cũng đã và đang biến đổi. Song, tìm hiểu sâu trang phục truyền thống sẽ thấy nó vẫn là nhân tố góp phần duy trì, phát triển bản sắc văn hóa tộc người của họ.